LiOA

For now & Forever!

THE NEW SERIES

BẢNG GIÁ HƯỚNG DẪN 11 - 2017

MÁY ỔN ÁP TỰ ĐỘNG THẾ HỆ MỚI

AUTOMATIC VOLTAGE STABILIZER - NEW SERIES

Recommended Retail Prices List 11 - 2017

LiOA

For now & Forever!

DÂY ĐẤU NỐI VÀ MÁY BIẾN ÁP TRƯỢT ĐƯỢC CHẾ TẠO BẰNG ĐỒNG NGUYÊN CHẤT

THE NEW SERIES

LiOA
For now & Forever!

NEW!

ỔN ÁP 1 PHA *A.V.S 1 PHASE*

THÔNG SỐ KỸ THUẬT - *SPECIFICATIONS*

Kiểu - *Type*	**SH - II**	**DRI - II**	**DRI - II**
Điện áp vào - *Input Voltage*	150V(130V) ÷ 250V	90V ÷ 250V	50V ÷ 250V
Điện áp ra - *Output Voltage*	220V - 110V(100V) ± 2 ~ 3%		
Tần số - *Frequency*	49Hz ÷ 62Hz		
Thời gian đáp ứng với 10% điện áp vào thay đổi *Response Time Against 10% Input Voltage Deviation*	0,4s ÷ 1s 500VA ÷ 10.000VA	1s ÷ 3s 15.000VA ÷ 50.000VA	
Nhiệt độ môi trường *Ambient Temperature*	-5°C ÷ +40°C		
Nguyên lý điều khiển *Control System*	Động cơ Servo *Servo Motor*		
Kiểu dáng - *Design*	Kiểu dáng (kích thước, trọng lượng) thay đổi không cần báo trước *The design can be changed without prior notice*		
Độ cách điện - *Insulation Resistance*	Lớn hơn 3MΩ ở điện áp 1 chiều 500V - *More than 3MΩ at DC 500V*		
Độ bền điện - *Dielectric Strength*	Kiểm tra ở điện áp 2000V trong vòng 1 phút *Tested at AC 2000V for 1 min*		

Đồ thị giới hạn công suất ra ở các mức điện áp vào
The output capacity limit chart at input voltage level

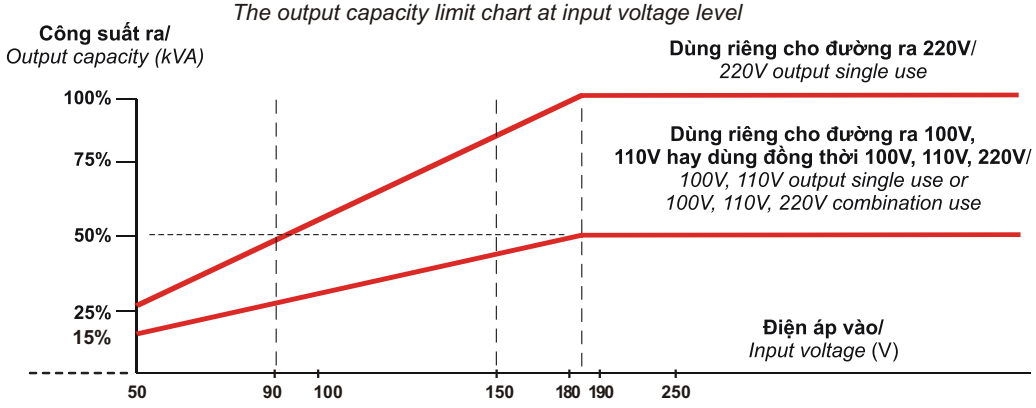

- **BẢO VỆ QUÁ TẢI CB/*CB OVERLOAD PROTECTION***
- **BẢO VỆ QUÁ ÁP CB ĐẦU VÀO/**
  CB OVER VOLTAGE PROTECTION AT INPUT

BẢNG GIÁ HƯỚNG DẪN 11 - 2017
Recommended Retail Prices List 11 - 2017

LiOA
For now & Forever!

ỔN ÁP 1 PHA *A.V.S 1 PHASE*

NEW!

SH - II

Mã sản phẩm *Code*	Diễn giải/ *Description*			Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
	Công suất/ *Capacity (kVA)*	Kích thước (DxRxC)/ *Dimension (LxWxH) (mm)*	Trọng lượng/ *Weight (kg)*		
SH - 500 II	0,5	225 x 172 x 177	5,0	**1.110.000**	*48,92*
SH - 1000 II	1	225 x 172 x 177	6,2	**1.440.000**	*63,46*
SH - 2000 II	2	285 x 208 x 218	9,6	**2.280.000**	*100,48*
SH - 3000 II	3	305 x 225 x 305	11,0	**2.990.000**	*131,78*
SH - 5000 II	5	305 x 225 x 305	14,8	**3.500.000**	*154,25*
SH - 7500 II	7,5	400 x 218 x 310	20,0	**4.960.000**	*218,60*
SH - 10000 II	10	405 x 218 x 310	22,5	**5.670.000**	*249,89*
SH - 15000 II	15	562 x 312 x 510	54,0	**10.220.000**	*450,42*
SH - 20000 II	20	562 x 312 x 510	54,0	**13.610.000**	*599,82*
SH - 25000 II	25	690 x 488 x 450	69,0	**16.170.000**	*712,65*
SH - 30000 II	30	690 x 488 x 450	76,0	**20.990.000**	*925,08*
SH - 50000 II	50	700 x 480 x 660	120,0	**34.540.000**	*1.522,26*

DRI - II

Mã sản phẩm *Code*	Diễn giải/*Description*			Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
	Công suất/ *Capacity (kVA)*	Kích thước (DxRxC)/ *Dimension (LxWxH) (mm)*	Trọng lượng/ *Weight (kg)*		
DRI - 500 II	0,5	225 x 172 x 177	5,6	**1.280.000**	*56,41*
DRI - 1000 II	1	237 x 183 x 200	7,0	**1.550.000**	*68,31*
DRI - 2000 II	2	285 x 208 x 218	10,0	**2.370.000**	*104,45*
DRI - 3000 II	3	305 x 225 x 305	12,0	**3.090.000**	*136,18*
DRI - 5000 II	5	305 x 225 x 305	15,0	**3.990.000**	*175,85*
DRI - 7500 II	7,5	410 x 240 x 355	26,0	**6.340.000**	*279,42*
DRI - 10000 II	10	415 x 240 x 355	30,2	**8.210.000**	*361,83*
DRI - 15000 II	15	562 x 312 x 510	58,0	**15.110.000**	*665,93*
DRI - 20000 II	20	690 x 488 x 450	70,0	**19.900.000**	*877,04*
DRI - 30000 II	30	700 x 480 x 660	103,0	**30.210.000**	*1.331,42*

DRII - II

Mã sản phẩm *Code*	Diễn giải/*Description*			Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
	Công suất/ *Capacity (kVA)*	Kích thước (DxRxC)/ *Dimension (LxWxH) (mm)*	Trọng lượng/ *Weight (kg)*		
DRII - 1000 II	1	237 x 183 x 200	7,8	**1.780.000**	*78,45*
DRII - 2000 II	2	285 x 208 x 218	10,0	**2.660.000**	*117,23*
DRII - 3000 II	3	305 x 225 x 305	15,0	**3.720.000**	*163,95*
DRII - 5000 II	5	400 x 218 x 310	20,0	**5.290.000**	*233,14*
DRII - 7500 II	7,5	445 x 315 x 440	29,2	**7.840.000**	*345,53*
DRII - 10000 II	10	490 x 408 x 440	41,0	**9.690.000**	*427,06*
DRII - 15000 II	15	700 x 480 x 660	86,0	**18.520.000**	*816,22*
DRII - 20000 II	20	700 x 480 x 660	100,0	**24.100.000**	*1.062,14*

LiOA
For now & Forever!

NEW!

ỔN ÁP 3 PHA KHÔ *A.V.S 3 PHASES - DRY TYPE*

ĐIỀU CHỈNH 3 PHA ĐỘC LẬP

THÔNG SỐ KỸ THUẬT - *SPECIFICATIONS*

Kiểu - *Type*	**NM - II**	**SH3 - II**	**DR3 - II**
Điện áp vào - *Input Voltage*	304V ~ 420V (175V ~ 242V)	260V ~ 430V(150V~248V)	160V ~ 430V (90V ~ 250V)
Điện áp ra - *Output Voltage*	380V ± 2 ~ 3%	380V ±2 ~ 3% (200V ±2 ~ 3%)*	380V ±2 ~ 3% (200V ±2 ~ 3%)*
Tần số - *Frequency*	49Hz ~ 62Hz		
Thời gian đáp ứng với 10% điện áp vào thay đổi *Response Time Against 10% Input Voltage Deviation*	⩽ 30kVA 0,4s ÷ 1s	> 30kVA 1s ÷ 3s	
Nhiệt độ môi trường *Ambient Temperature*	-5°C ~ +40°C		
Nguyên lý điều khiển *Control System*	Động cơ Servo 1 chiều *DC Servo Motor*		
Kiểu dáng - *Design*	Kiểu dáng (kích thước, trọng lượng) thay đổi không cần báo trước *The design can be changed without prior notice*		
Độ cách điện - *Insulation Resistance*	Lớn hơn 3MΩ ở điện áp 1 chiều 500V - *More than 3MΩ at DC 500V*		
Độ bền điện - *Dielectric Strength*	Kiểm tra ở điện áp 1500V trong vòng 1 phút *Tested at AC 1500V for 1 min*		

* Từ 3KVA đến 30KVA máy có 2 đường ra 380V/200V, từ máy 45KVA trở lên chỉ có 380V (Quy cách khác có thể sản xuất theo yêu cầu)

Đồ thị giới hạn công suất ra ở các mức điện áp vào
The output capacity limit chart at input voltage level

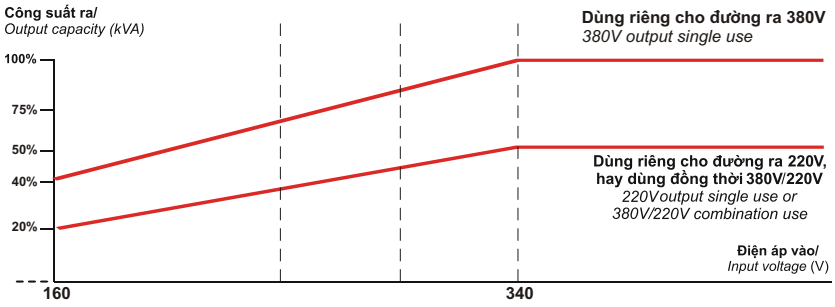

BẢNG GIÁ HƯỚNG DẪN 11 - 2017
Recommended Retail Prices List 11 - 2017

LiOA
For now & Forever!

ỔN ÁP 3 PHA KHÔ *A.V.S 3 PHASES - DRY TYPE*

DẢI ĐIỆN ÁP ĐẦU VÀO 304V ~ 420V *INPUT VOLTAGE RANGE 304V ~ 420V*

Mã sản phẩm *Code*	Diễn giải/*Description*			Giá (VND)	*Price* (USD)
	Công suất *Capacity (kVA)*	Kích thước (DxRxC) *Dimension (LxWxH) (mm)*	Trọng lượng *Weight (kg)*		
NM-150KII	150	935 x 665 x 1865	472	**100.160.000**	*4.414,28*
NM-200KII	200	1122 x 800 x 1737	730	**192.610.000**	*8.488,76*
NM-250KII	250	1450 x 870 x 2020	890	**221.490.000**	*9,761,57*
NM-300KII	300	1430 x 852 x 1907	840	**271.120.000**	*11.948,88*
NM-400KII	400	1450 x 870 x 2020	1220	**305.420.000**	*13.460,56*
NM-500K/3II	500	1132 x 853 x 1535	1350	**401.570.000**	*17.698,10*
NM-600K/3II	600	1132 x 853 x 1535	1630	**458.880.000**	*20.223,89*
NM-800K/3II	800	1350 x 860 x 1200	1890	**592.550.000**	*26.115,03*
NM-1000K/3II	1000	1120 x 760 x 2100	2200	**726.220.000**	*32.006,17*
NM-1200K/3II	1200	1200 x 800 x 2100	3120	**859.880.000**	*37.896,87*

NEW!

DẢI ĐIỆN ÁP ĐẦU VÀO 260V ~ 430V *INPUT VOLTAGE RANGE 260V ~ 430V*

Mã sản phẩm *Code*	Diễn giải/*Description*			Giá (VND)	*Price* (USD)
	Công suất *Capacity (kVA)*	Kích thước (DxRxC) *Dimension (LxWxH) (mm)*	Trọng lượng *Weight (kg)*		
SH3-3KII	3	410 x 280 x 640	29	**4.990.000**	*219,92*
SH3-6KII	6	410 x 280 x 640	32	**7.150.000**	*315,12*
SH3-10KII	10	480 x 365 x 715	44	**9.380.000**	*413,40*
SH3-15KII	15	480 x 365 x 715	52	**14.040.000**	*618,77*
SH3-20KII	20	545 x 390 x 1090	78	**19.130.000**	*843,10*
SH3-30KII	30	545 x 390 x 1090	87	**26.820.000**	*1.182,02*
SH3-45KII	45	610 x 470 x 1270	176	**40.590.000**	*1.788,89*
SH3-60KII	60	610 x 470 x 1270	188	**51.600.000**	*2.274,13*
SH3-75KII	75	780 x 562 x 1247	218	**58.400.000**	*2.573,82*
SH3-100KII	100	780 x 562 x 1247	246	**79.260.000**	*3.493,17*
SH3-150KII	150	820 x 710x 1635	487	**125.200.000**	*5.517,85*
SH3-200KII	200	1450 x 870 x 2020	580	**231.030.000**	*10.182,02*
SH3-250KII	250	1450 x 870 x 2020	1088	**265.770.000**	*11.713,09*
SH3-300KII	300	1450 x 870 x 2020	1185	**325.340.000**	*14.338,48*
SH3-400K/3II	400	1132 x 853 x 1535	1320	**366.500.000**	*16.152,49*
SH3-500K/3II	500	1132 x 853 x 1535	1750	**481.890.000**	*21.237,99*
SH3-600K/3II	600	1132 x 853 x 1535	1910	**550.650.000**	*24.268,40*
SH3-800K/3II	800	1500 x 860 x 1400	3240	**711.050.000**	*31.337.59*
SH3-1000K/3II	1000	1200 x 860 x 2100	3650	**871.460.000**	*38.407.23*

DẢI ĐIỆN ÁP ĐẦU VÀO 160V ~ 430V *INPUT VOLTAGE RANGE 160V ~ 430V*

Mã sản phẩm *Code*	Diễn giải/*Description*			Giá (VND)	*Price* (USD)
	Công suất *Capacity (kVA)*	Kích thước (DxRxC) *Dimension (LxWxH) (mm)*	Trọng lượng *Weight (kg)*		
DR3-3KII	3	410 x 280 x 640	29	**6.250.000**	*275,45*
DR3-6KII	6	410 x 280 x 640	32	**8.930.000**	*393,57*
DR3-10KII	10	480 x 365 x 715	44	**10.570.000**	*465,84*
DR3-15KII	15	480 x 365 x 715	52	**17.570.000**	*774,35*
DR3-20KII	20	545 x 390 x 1090	96	**23.910.000**	*1.053,77*
DR3-30KII	30	545 x 390 x 1090	107	**33.530.000**	*1.477,74*
DR3-45KII	45	780 x 562 x 1277	206	**50.730.000**	*2.235,79*
DR3-60KII	60	780 x 562 x 1277	232	**64.500.000**	*2.242,66*
DR3-75KII	75	820 x 710 x 1635	360	**73.010.000**	*3.217,72*
DR3-100KII	100	820 x 710 x 1635	386	**99.070.000**	*4.366,24*

Các loại ổn áp có quy cách khác được sản suất theo yêu cầu
Other specification is manufactured on requirement

BẢNG GIÁ HƯỚNG DẪN 11 - 2017
Recommended Retail Prices List 11 - 2017

LiOA

For now & Forever!

DÂY ĐẤU NỐI VÀ MÁY BIẾN ÁP TRƯỢT ĐƯỢC CHẾ TẠO BẰNG ĐỒNG NGUYÊN CHẤT

THE NEW SERIES

LiOA

For now & Forever!

THE NEW SERIES

BẢNG GIÁ HƯỚNG DẪN 11 - 2017

MÁY ỔN ÁP TỰ ĐỘNG THẾ HỆ MỚI

AUTOMATIC VOLTAGE STABILIZER - NEW SERIES

Recommended Retail Prices List 11 - 2017

CÔNG TY TNHH NHẬT LINH
KCN Thanh Khương - Thuận Thành - Bắc Ninh - Việt Nam
Website lioa.com.vn Email nhatlinh@lioa.com.vn